

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
DẦU KHÍ SÀI GÒN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 – 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 – 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 – 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 – 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Văn Ích	Chủ tịch
Ông Tạ Thái Mẫn	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Hưng	Thành viên
Ông Trần Khắc Danh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/03/2013)
Ông Đinh Thanh Phương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/03/2013)
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên (đắc cử ngày 29/03/2013)
Bà Lê Hoàng Thanh Thảo	Thành viên (đắc cử ngày 29/03/2013)
Ông Lê Phương Nam	Thành viên (đắc cử ngày 06/08/2013)

Ban kiểm soát

Ông Lê Minh Tuấn	Trưởng ban
Ông Phan Sum	Thành viên
Bà Bùi Nguyễn Tường Anh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31/08/2013)
Ông Đào Văn Ngoạn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/01/2013)

Kế toán trưởng

Ông Lê Mạnh Hùng	Kế toán trưởng
------------------	----------------

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 38 (đính kèm).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”). Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ý KIẾN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc nhận thấy báo cáo tài chính phản ánh đúng tình hình tài chính của Công ty cổ phần Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trong vòng 12 tháng tới.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



[Handwritten signature]

Nguyễn Thị Thu Hương
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2014

Số: 192a/HĐKT2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn, được lập ngày 06/01/2014, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT NHẤT

Giám Đốc



Nguyễn Nhân Bào

Nguyễn Nhân Bào

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0413-2013-088-1

Kiểm toán viên

Phan Thị Thủy Tiên

Phan Thị Thủy Tiên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0360-2013-088-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		59.699.868.237	52.955.522.864
(100=110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	10.952.370.854	15.656.920.013
1. Tiền	111		4.672.370.854	7.156.920.013
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.280.000.000	8.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	32.343.284.600	26.005.551.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		32.768.473.198	27.326.351.945
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(425.188.598)	(1.320.800.945)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.3	16.326.212.783	11.228.335.572
1. Phải thu khách hàng	131		10.501.317.044	5.002.705.003
2. Trả trước cho người bán	132		39.250.000	43.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		5.785.645.739	6.182.630.569
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		78.000.000	64.716.279
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		24.000.000	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		54.000.000	64.716.279

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		53.432.738.996	61.697.874.099
(200 = 210+220+240+250+260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			-
4. Phải thu dài hạn khác	218			-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			-
II. Tài sản cố định	220		14.921.110.430	15.676.192.501
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.4	14.921.110.430	15.324.954.310
- Nguyên giá	222		23.118.128.487	23.097.247.830
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.197.018.057)	(7.772.293.520)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.5	-	-
- Nguyên giá	228			24.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			(24.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	351.238.191
III. Bất động sản đầu tư	240	5.6	36.534.364	182.671.996
- Nguyên giá	241		4.611.658.284	4.611.658.284
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(4.575.123.920)	(4.428.986.288)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		9.140.092.102	9.140.092.102
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.7	7.500.000.000	7.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.8	1.800.000.000	1.800.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.9	300.000.000	300.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(459.907.898)	(459.907.898)
V. Tài sản dài hạn khác	260		29.335.002.100	36.698.917.500
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.10	660.000.000	750.000.000
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.11	28.675.002.100	35.948.917.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		113.132.607.233	114.653.396.963

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		57.732.836.809	60.775.103.388
I. Nợ ngắn hạn	310		13.968.972.846	12.604.152.788
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	5.12	102.500.000	196.175.172
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	3.824.326.747	3.288.970.211
5. Phải trả người lao động	315	5.12	1.690.140.971	1.274.491.617
6. Chi phí phải trả	316	5.12	35.000.000	35.000.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	7.387.215.842	7.019.329.275
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.12	929.789.286	790.186.513
II. Nợ dài hạn	330		43.763.863.963	48.170.950.600
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.14	43.763.863.963	48.169.384.383
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	5.15	-	1.566.217
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		55.399.770.424	53.878.293.575
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	55.399.770.424	53.878.293.575
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.314.557.600	17.019.176.609
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.402.086.457	3.106.705.466
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.683.126.367	3.752.411.500
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		113.132.607.233	114.653.396.963

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính